

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-PT

Ngày 30/6/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương và ông Nguyễn Tài Sử

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Tổ 8, khối 3, thị trấn D1, huyện D2, tỉnh Nghệ An – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị B;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Đình D.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Những người làm chứng: Ông Nguyễn Hồng T và bà Trần Thị N - vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hoàng Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà L cho bà B vay tiền nhiều lần từ khoảng thời gian nào bà L không nhớ rõ. Sau khi vay mượn, tính toán và trả nợ thì bà B còn nợ tổng

800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*). Ngày 17/11/2011, có người gọi xuống nhà bà Trần Thị Mai lấy tiền bà B trả. Lúc đó có bà N, bà Mai và ông T chứng kiến, bà N là người giao số tiền 200.000.000đ cho bà L để trả nợ cho bà B. Sau khi nhận đủ 200.000.000đ, bà L viết giấy giao nhận tiền cho bà N và không hề hứa sẽ xoá nợ cho bà B.

Việc vay mượn tiền ông D không biết vì bà B và ông D là vợ chồng, bà B vay để kinh doanh trong gia đình nên do tin tưởng, bà L chỉ yêu cầu một mình bà B ký tên vào giấy vay tiền. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà B và ông D cùng có trách nhiệm trả cho bà 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*) tiền gốc, có yêu cầu trả lãi.

Ngày 27/11/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, chỉ yêu cầu bà Hoàng Thị B và ông Trần Đình D trả số tiền gốc.

Bị đơn bà Hoàng Thị B trình bày:

Bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì:

Bà B có vay tiền bà L nhiều lần, nay không nhớ rõ cụ thể từng lần vay và trả như thế nào. Chỉ nhớ tổng số tiền vay đúng là 800.000.000đ (*tám trăm triệu đồng*) như bà L trình bày. Tuy nhiên, ngày 17/12/2010, sau khi bà B mất khả năng trả nợ nên đã nhờ chồng bán nhà và nhờ ông T, bà N đứng ra phân chia trả giúp tổng số nợ cho nhiều người trong đó có bà L. Thời điểm đó bà B nợ rất nhiều người và thống nhất mỗi chủ nợ chỉ lấy 25% tổng số nợ thì bà B mới trả. Bà L đồng ý lấy 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) và xoá hết nợ cho bà B nên bà B mới trả cho bà L 200.000.000đ. Bà L nhận tiền xong nhưng không chịu ghi dòng chữ “*xoá nợ cho cháu*”, ông T có yêu cầu bà L ghi thì bà nói “*cháu cứ ghi đi rồi mợ ký*”, sau đó ông T ghi dòng chữ “*xoá nợ cho cháu*” và bà L là người ký tên phía dưới.

Nay bà L khởi kiện, bà B không đồng ý trả nợ vì đã thoả thuận trả hết nợ trước đó. Bà L không được khởi kiện tiếp tục yêu cầu bà B trả số nợ là 600.000.000đ. Việc vay mượn giữa bà B và bà L, ông D không biết, nay ông D không có nghĩa vụ cùng bà B trả nợ vì sau khi bà B mất khả năng chi trả, vì tình nghĩa vợ chồng nên ông D đã bán nhà trả nợ cho bà L, còn khoản 600.000.000đ, nay ông D không có trách nhiệm phải liên đới trả tiền cho bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình D trình bày:

Ông D không biết việc vợ ông là bà Hoàng Thị B vay tiền của bà Nguyễn Thị L, ông không liên quan và sẽ không chịu trách nhiệm về việc cùng bà B trả nợ cho bà L. Trong quá trình vợ chồng ông kinh doanh, bà B có vay tiền của nhiều người nhưng đến khi không còn khả năng trả nợ thì bà L mới nói rằng bà B vay của bà L 800.000.000đ (*tám trăm triệu đồng*). Vì là vợ chồng nên ông D đã đồng ý bán nhà để bà B trả nợ cho mọi người. Về việc trả nợ cho bà L như thế nào thì ông đồng ý với ý kiến của bà B, không trình bày gì thêm vì bà L đã đồng ý xoá nợ cho bà B theo thoả thuận và giấy viết tay ngày 17/12/2010.

Người làm chứng ông Nguyễn Hồng T và bà Trần Thị N cùng có lời khai:

Ông Trần Đình D là em trai, bà Hoàng Thị B là em dâu của bà Trần Thị N. Quá trình vay nợ của bà L và bà B thì ông T và bà N hoàn toàn không biết, không rõ vay bao nhiêu, việc vay mượn chỉ có hai người làm việc với nhau.

Sau khi sự việc vay mượn không thể kiểm soát thì ông D đồng ý bán nhà, chuyển tiền cho ông T, bà N nhờ đứng ra trả nợ giúp. Ông T và bà N đã thông báo đến toàn bộ chủ nợ của bà B, thống nhất số nợ của từng người, trong đó có bà L đã chốt lại số nợ là 800.000.000đ (*tám trăm triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận bà L chỉ nhận 25% tổng số tiền, tức 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) và xóa toàn bộ số nợ 600.000.000đ còn lại cho bà B, bà L đồng ý và nhận tiền, viết giấy biên nhận vào ngày 17/12/2010. Sau khi nhận tiền, ông T yêu cầu bà L ghi xóa nợ nhưng bà L nói ông T cứ ghi đi rồi bà L ký. Dòng chữ “*xóa nợ cho cháu*” trong giấy nhận tiền ngày 17/12/2010 chính do ông T viết ra nhưng được sự đồng ý và chứng kiến của bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về số tiền lãi 636.000.000đ (sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Hoàng Thị B, buộc bà Hoàng Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị L 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà bà Hoàng Thị B không trả số tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L buộc ông Trần Đình D phải liên đới cùng bà Hoàng Thị B trả số tiền nợ 600.000.000đ cho bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/5/2021, bị đơn bà Hoàng Thị B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L buộc bà B phải trả cho bà L 600.000.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt các bên đương sự đều giữ nguyên yêu cầu của mình, ông Trần Đình D có mặt tại phiên tòa không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng

tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm 06/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị B nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị L và bà Hoàng Thị B đều thừa nhận số tiền bà Hoàng Thị B còn nợ của bà Nguyễn Thị L là 800.000.000 đồng (BL27-28; 33-34) và bà Hoàng Thị B đã trả cho bà Nguyễn Thị L 200.000.000 đồng. Số tiền còn lại 600.000.000 đồng theo lời khai của bà B thì không phải trả nữa.

Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2020, bà L khởi kiện yêu cầu bà B trả cho bà L số tiền còn nợ là 600.000.000 đồng và lãi suất là 636.000.000 đồng, đến ngày 27/11/2020 (BL 31) bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất.

Tại BL 40 có nội dung: *Ngày 17/12/2010 mẹ L nhận 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) – xóa nợ cho cháu – Nguyễn Thị L.* Kết luận giám định (BL 53) đã thể hiện chữ *xóa nợ cho cháu* do ông Nguyễn Hồng T viết ra, không phải bà L viết. Mặc dù lời khai của bà B cho rằng ông Nguyễn Hồng T không tự viết ra hàng chữ xóa nợ, mà do trước đó đã có sự thỏa thuận về việc bà L chỉ nhận 200.000.000đ và chấm dứt việc đòi nợ nên ông T, bà N mới giao tiền. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài tờ giấy viết tay ngày 17/12/2010 để chứng minh về thỏa thuận nói trên giữa bà L và bà B nên chỉ dựa vào chữ *xóa nợ cho cháu* do ông T viết ra để xóa số nợ 600.000.000 đồng còn lại mà bà B nợ bà L là không có căn cứ. Tại giai đoạn phúc thẩm bà Hoàng Thị B không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho việc kháng cáo của mình.

Tại (BL 67) bà B có khai: *Việc vay mượn anh D không biết và tôi vay tiền về để làm ăn, buôn bán kinh doanh trong gia đình. Nay, bà L khởi kiện, chỉ một mình tôi có nghĩa vụ trả nợ.* Như vậy, bà Hoàng Thị B thừa nhận nợ và xác nhận việc trả nợ của mình. Việc vay mượn chỉ là giao dịch giữa bà L và bà B, toàn bộ giấy tờ vay mà các bên đương sự cung cấp từ trước tới khi trả số nợ 200.000.000đ vào ngày 17/12/2010 chỉ có chữ ký của bà B. Các bên đều thừa nhận khi vay chỉ mình bà B đi vay và ký vào tất cả giấy tờ vay nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Hoàng Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị L 600.000.000 đồng và không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà B trả nợ là có căn cứ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí Tòa án để buộc bà B phải chịu án phí là chưa đúng vì khoản 2 Điều 26 không có điểm b, xét thấy nội dung này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên cần nêu ra để rút kinh nghiệm.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị B. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận. giữ nguyên bản án sơ thẩm 06/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 280, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm 06/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về số tiền lãi 636.000.000đ (sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Hoàng Thị B, buộc bà Hoàng Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị L 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án mà bà Hoàng Thị B không trả số tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L buộc ông Trần Đình D phải liên đới cùng bà Hoàng Thị B trả số tiền nợ 600.000.000đ cho bà Nguyễn Thị L.

2. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bà Hoàng Thị B phải chịu 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. **Về án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Hoàng Thị B phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0002530 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân TP Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP G;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Bùi Danh Đại